

Tp Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 01 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

Công ty: **Cổ phần Lilama 18**

Mã chứng khoán: **LM8**

Trụ sở chính: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.38298490 Fax: 028.38210853

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Phương Anh

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.38298490 Fax: 028.38210853

Loại công bố thông tin: 24h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung công bố thông tin:

Đính chính lại Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018 do Công ty cổ phần Lilama 18 tự lập lại theo Thông báo số: 1056/TB-KTNN ngày 13/12/2019 của Kiểm toán nhà nước về “Kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 tại Công ty cổ phần Lilama 18” đã Công bố thông tin ngày 26/12/2019.

Lý do: Tên tiêu đề tại một số cột của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ ghi nhầm, cụ thể:

Thứ tự cột	Đã công bố	Đính chính lại
Cột số 1	Số kiểm toán độc lập đã công bố (31/12/2018)	Số Kiểm toán Nhà nước đã điều chỉnh (31/12/2018)
Cột số 2	Số Kiểm toán Nhà nước đã điều chỉnh (31/12/2018)	Số kiểm toán độc lập đã công bố (31/12/2018)
Cột số 3	3=2-1	3=1-2

Về số liệu của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, nguyên nhân chênh lệch và các nội dung khác đã công bố ngày 26/12/2019 không thay đổi.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 31/01/2020 tại địa chỉ website: www.lilama18.com.vn

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố (Đính kèm phụ lục Báo cáo lưu chuyển tiền tệ đã đính chính).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Lilama 18.

Người được ủy quyền công bố thông tin



Nguyễn Phương Anh



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp (Lập lại sau KTN)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Số Kiểm toán Nhà nước đã điều chỉnh (31/12/2018)	Số Kiểm toán độc lập đã công bố (31/12/2018)	Chênh lệch
A	B	1	2	3=1-2
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01	36,751,552,147	36,114,809,133	636,743,014
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02	46,444,743,593	46,444,743,593	-
- Các khoản dự phòng	03	17,611,739,235	17,611,739,235	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục nguồn gốc ngoại tệ	04	789,992,372	789,992,372	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8,807,526,972)	(8,807,526,972)	-
- Chi phí lãi vay	06	58,963,378,078	58,963,378,078	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	151,753,878,453	151,117,135,439	636,743,014
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(191,109,859,189)	(186,243,768,489)	(4,866,090,700)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	31,662,129,193	28,052,961,643	3,609,167,550
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	126,544,949,522	125,924,769,386	620,180,136
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(5,465,500,567)	(5,465,500,567)	-
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(59,012,360,135)	(59,012,360,135)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12,537,516,992)	(12,537,516,992)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động SXKD	16	-	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6,181,910,078)	(6,181,910,078)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	35,653,810,207	35,653,810,207	-
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3,944,300,500)	(3,944,300,500)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TS dài hạn khác	22	70,272,727	70,272,727	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(45,402,875,866)	(45,402,875,866)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	54,000,000,000	54,000,000,000	-
5. Tiền chi đầu tư vào đơn vị khác	25	-	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư vào đơn vị khác	26	5,121,384,450	5,121,384,450	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11,151,344,795	11,151,344,795	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	20,995,825,606	20,995,825,606	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32	-	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	1,628,579,341,759	1,628,579,341,759	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1,613,085,859,956)	(1,613,085,859,956)	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(31,719,674,686)	(31,719,674,686)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11,096,741,380)	(11,096,741,380)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(27,322,934,263)	(27,322,934,263)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	29,326,701,550	29,326,701,550	-
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	7,830,797,370	7,830,797,370	-
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(8,438,618)	(8,438,618)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	37,149,060,302	37,149,060,302	-

